

Bản án số: **61/2022/HS-PT**.
Ngày: 22/7/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Trương Tô Hương;
Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga-Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 61/2022/TLPT-HS ngày 14/6/2022 đối với bị cáo Từ Kim C do có kháng cáo bị cáo C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2022/HS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Từ Kim C; Sinh ngày: 26/8/1962; Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: Số A (nay là số A), đường X, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Số A, đường T, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Từ H và bà Hà Thị H; Có chồng là ông Phùng Vũ T, sinh năm 1956; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2021 đến nay. (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại Huỳnh Ngọc A, Trần Thị Bạch Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ Kim C là chủ hội, trong khoảng thời gian từ tháng 06/1994 đến tháng 9/1994, C đã tổ chức 04 dây hội có giá trị là 30.000 đồng/phần hội, 300.000

đồng/phần hụi và 500.000 đồng/phần hụi cho nhiều hụi viên trên địa bàn thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố S), tỉnh Sóc Trăng tham gia. Sau đó, C đã bỏ trốn nhằm để chiếm đoạt tiền của các hụi viên, cụ thể như sau:

- Dây hụi 1, loại 10 ngày khui một lần, mở ngày 12/6/1994 (ngày 04/5/1994 âm lịch), mỗi phần hụi là 300.000 đồng, với số lượng có 20 phần hụi, đã khui được 09 lần, còn 11 lần chưa tiến hành khui hụi.

- Dây hụi 2, loại 10 ngày khui một lần, mở ngày 07/7/1994 (ngày 29/5/1994 âm lịch), mỗi phần hụi là 300.000 đồng, với số lượng có 24 phần hụi, đã khui được 11 lần, còn 13 lần chưa tiến hành khui hụi.

- Dây hụi 3, loại 01 ngày khui một lần, mở ngày 07/8/1994 (ngày 01/7/1994 âm lịch), mỗi phần hụi là 30.000 đồng, với số lượng có 48 phần hụi, đã khui hụi được 46 lần, còn 02 lần chưa tiến hành khui hụi.

- Dây hụi 4, loại 15 ngày khui một lần, mở ngày 11/9/1994 (ngày 06/8/1994 âm lịch), mỗi phần hụi là 500.000 đồng, với số lượng có 16 phần hụi, đã khui được 02 lần, còn 14 lần chưa tiến hành khui hụi.

Bà Trang Thị N đã tham gia cả 04 dây hụi trên, khi tham gia chơi hụi thì ghi tên là Chế A (ghi theo tên chồng của bà N là ông Huỳnh Ngọc A), cụ thể: Dây hụi 1, bà N tham gia 02 phần, đã đóng tiền hụi cho bị cáo C số tiền là 3.726.000 đồng; Dây hụi 2, bà N tham gia 01 phần, đã đóng tiền hụi cho bị cáo C số tiền là 2.454.500 đồng và mua hai phần hụi của bị cáo C với số tiền là 9.511.000 đồng; Dây hụi 3, bà N tham gia 04 phần, đã đóng tiền hụi cho bị cáo C số tiền là 4.968.000 đồng; Dây hụi 4, bà N tham gia 01 phần, đã đóng tiền hụi cho bị cáo C số tiền là 757.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo C còn mượn của bà N số tiền 16.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo C nợ bà N là 37.416.500 đồng.

Bà Trần Thị Bạch Y đã tham gia Dây hụi 3 với 04 phần hụi, đã đóng tiền hụi cho bị cáo C tổng cộng số tiền là 4.968.000 đồng.

Bị cáo C đã bỏ trốn để chiếm đoạt tiền của bà N và bà Y với tổng số tiền là 42.384.500 đồng.

Ngoài ra, C còn chiếm đoạt số tiền của các hụi viên như bà Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị T, Trần Kim L, Lê Thị H và Nguyễn Thị N nhưng hiện nay những người này không còn ở địa phương và có người đã chết, nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được.

Vào ngày 17/12/1994, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Từ Kim C về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985. Bị can Từ Kim C bỏ trốn khỏi địa phương và bị truy nã cho đến nay mới bắt được. Đến ngày 15/11/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án và chuyển vụ án cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố S giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2022/HS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 48 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố: Bị cáo Từ Kim C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Từ Kim C 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 06/5/2022, bị cáo Từ Kim C kháng cáo xin hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Từ Kim C giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định mức hình phạt 01 năm tù mà Hội đồng xét xử sơ thẩm đối với bị cáo C là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo C, đồng thời bị cáo C phạm tội hai lần trở lên và bị bắt khi bị truy nã do bỏ trốn nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Từ Kim C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Từ Kim C lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm cùng ngày 06/5/2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét đơn kháng cáo của bị cáo C, về việc xin hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Từ Kim C như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C đã khai nhận, trong khoảng thời gian từ tháng 06/1994 đến tháng 9/1994, thông qua giao dịch dân sự góp hội và vay tài sản, bị hại Trần Thị Bạch Y đã đóng tiền hội cho bị cáo C với số tiền là 4.968.000 đồng, bị hại Trang Thị N đã đóng tiền hội và cho bị cáo vay tổng số tiền là 37.416.500 đồng, sau đó bị cáo C đã bỏ trốn để chiếm đoạt tiền của các bị hại với tổng số tiền là 42.384.500 đồng.

Xét hành vi của bị cáo Từ Kim C đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 158 của Bộ luật Hình sự năm 1985. Tuy nhiên, về tội danh và hình phạt của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) so với quy định tại Điều 158 của Bộ luật Hình sự năm 1985 là có lợi cho người phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Từ Kim C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hình phạt mà Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo C: Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo C có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xác định bị cáo bị bắt trong trường hợp bị truy nã để làm cơ sở quyết định hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo C mức án 01 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo.

[4] Về kháng cáo của bị cáo C, về việc hưởng án treo: Xét trong vụ án này, bị cáo C bị bắt trong trường hợp bị truy nã do bỏ trốn và bị cáo phạm tội hai lần trở lên nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, về việc xin hưởng án treo. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Từ Kim C, về việc xin hưởng án treo.

Giữ nguyên quyết định về hình sự đối với bị cáo Từ Kim C của Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2022/HS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Từ Kim C 01 (Một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc bị cáo Từ Kim C chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thành phố S (02);
- VKSND thành phố S (01);
- CQĐT-Công an thành phố S (01);
- CQTHAHS-Công an thành phố S (01);
- Chi cục THADS thành phố S (01);
- Bị cáo (01);
- PKTNV&THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thanh Vũ